**Phụ lục**

**DANH MỤC TÀI LIỆU DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI TẠI KỲ HỌP THỨ 9**

*(Kèm theo Văn bản số / VP-TH ngày / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân thành phố   
 về việc chuẩn bị nội dung phục vụ Kỳ họp thứ 9, Quốc hội Khóa XV)*

| **TT** | **Tài liệu tài liệu** | **Lãnh đạo**  **Chính phủ**  **chỉ đạo** | **Bộ, cơ quan**  **chủ trì** | **Lãnh đạo VPCP phụ trách** | **Vụ theo dõi VPCP** | **Thời hạn hoàn thành, gửi UBTVQH[[1]](#footnote-1)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Công tác lập pháp** | | | | | | | |
| **I. Dự án Luật, Nghị quyết trình Quốc hội xem xét, thông qua** | | | | | | | |
| 1 | Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân | Thủ tướng Chính phủ | Bộ trưởng  Bộ Công an Lương Tam Quang | BTCN Trần Văn Sơn | Cục KSTT | Tờ trình số 125/TTr-CP ngày 04/3/2025 |
| 2 | Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) | Thủ tướng Chính phủ | Bộ trưởng  Bộ Công an Lương Tam Quang | BTCN Trần Văn Sơn | Vụ NC | Trước ngày 15/4/2025 |
| 3 | Bộ luật Hình sự (sửa đổi) | Thủ tướng Chính phủ | Bộ trưởng  Bộ Công an Lương Tam Quang | BTCN Trần Văn Sơn | Vụ NC | Trước ngày 15/4/2025 |
| 4 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam | Thủ tướng Chính phủ | Bộ trưởng  Bộ Công an Lương Tam Quang | BTCN Trần Văn Sơn | Vụ PL | Trước ngày 15/4/2025 |
| 5 | Luật Việc làm (sửa đổi) | Phó Thủ tướng  Nguyễn Hòa Bình | Bộ trưởng  Bộ Nội vụ  Phạm Thị Thanh Trà | PCN  Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ KGVX | Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.  Tài liệu hoàn thiện gửi trước ngày 15/4/2025 |
| 6 | Nghị quyết của Quốc hội về việc xây dựng trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam[[2]](#footnote-2). | Phó Thủ tướng  Nguyễn Hòa Bình | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN  Mai Thị  Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 7 | Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) | Phó Thủ tướng  Nguyễn Hòa Bình | Bộ trưởng  Bộ Nội vụ  Phạm Thị Thanh Trà | BTCN Trần Văn Sơn | Vụ TCCV | Trước ngày 15/4/2025 |
| 8 | Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) | Phó Thủ tướng  Nguyễn Hòa Bình | Bộ trưởng  Bộ Nội vụ  Phạm Thị Thanh Trà | BTCN Trần Văn Sơn | Vụ TCCV | Trước ngày 15/4/2025 |
| 9 | Luật Thanh tra (sửa đổi) | Phó Thủ tướng  Nguyễn Hòa Bình | Tổng Thanh tra Chính phủ  Đoàn Hồng Phong | PCN  Trịnh Mạnh Linh | Vụ I | Trước ngày 15/4/2025 |
| 10 | Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách tháo gỡ vướng mắc một số dự án BOT giao thông | Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà | Bộ trưởng  Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh | PCN  Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ CN | Trước ngày 15/4/2025 |
| 11 | Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội | Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà | Bộ trưởng  Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ CN | Trước ngày 15/4/2025 |
| 12 | Nghị quyết của Quốc hội về tháo gỡ, khó khăn vướng mắc cho các dự án (theo đề xuất của Ban Chỉ đạo 1568). | Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà | Bộ trưởng  Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ CN | Trước ngày 15/4/2025 |
| 13 | Luật Nhà giáo | Phó Thủ tướng Lê Thành Long | Bộ trưởng  Bộ GDĐT  Nguyễn Kim Sơn | PCN  Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ KGVX | Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.  Tài liệu hoàn thiện gửi trước ngày 15/4/2025 |
| 14 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Phó Thủ tướng Lê Thành Long | Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh | PCN Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ PL | Trước ngày 15/4/2025 |
| 15 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính | Phó Thủ tướng Lê Thành Long | Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh | PCN Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ PL | Trước ngày 15/4/2025 |
| 16 | Nghị quyết của Quốc hội về đào tạo các ngành, nghề chuyên môn đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật | Phó Thủ tướng Lê Thành Long | Bộ trưởng  Bộ GDĐT  Nguyễn Kim Sơn | PCN  Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ KGVX | Trước ngày 15/4/2025 |
| 17 | Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi | Phó Thủ tướng Lê Thành Long | Bộ trưởng  Bộ GDĐT  Nguyễn Kim Sơn | PCN  Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ KGVX | Trước ngày 15/4/2025 |
| 18 | Nghị quyết của Quốc hội về miễn học phí đối với trẻ em, học sinh mầm non và học sinh phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập | Phó Thủ tướng Lê Thành Long | Bộ trưởng  Bộ GDĐT  Nguyễn Kim Sơn | PCN  Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ KGVX | Trước ngày 15/4/2025 |
| 19 | Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù cho công tác xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật | Phó Thủ tướng Lê Thành Long | Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh | PCN Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ PL | Trước ngày 15/4/2025 |
| 20 | Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN  Mai Thị  Thu Vân | Vụ KTTH | Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.  Tài liệu hoàn thiện gửi trước ngày 15/4/2025 |
| 21 | Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN  Mai Thị  Thu Vân | Vụ KTTH | Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.  Tài liệu hoàn thiện gửi trước ngày 15/4/2025 |
| 22 | Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN  Mai Thị  Thu Vân | Vụ ĐMDN | Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.  Tài liệu hoàn thiện gửi trước ngày 15/4/2025 |
| 23 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 24 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN  Mai Thị  Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 25 | Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN  Mai Thị  Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 26 | Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng | Phó Thủ tướng  Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN  Mai Thị  Thu Vân | Vụ  QHĐP | Trước ngày 15/4/2025 |
| 27 | Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Tờ trình số 151/TTr-CP ngày 14/3/2025 |
| 28 | Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng cho 06 tháng cuối năm 2025 và cả năm 2026 | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 29 | Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả*[[3]](#footnote-3)* | Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn | Bộ trưởng  Bộ Công Thương  Nguyễn Hồng Diên | PCN  Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ CN | Tờ trình số 176/TTr-CP ngày 8/4/2025 |
| 30 | Luật Hóa chất (sửa đổi) | Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn | Bộ trưởng  Bộ Công Thương  Nguyễn Hồng Diên | PCN  Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ CN | Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.  Tài liệu hoàn thiện gửi trước ngày 15/4/2025 |
| 31 | Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) | Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng | Bộ trưởng  Bộ KHCN Nguyễn Mạnh Hùng | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ KGVX | Tờ trình số 164/TTr-CP ngày 01/4/2025 |
| 32 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa | Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng | Bộ trưởng  Bộ KHCN Nguyễn Mạnh Hùng | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ KGVX | Tờ trình số 132/TTr-CP ngày 06/3/2025 |
| 33 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp | Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN  Mai Thị  Thu Vân | Vụ  ĐMDN | Trước ngày 15/4/2025 |
| 34 | Luật Công nghiệp công nghệ số | Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng | Bộ trưởng  Bộ KHCN  Nguyễn Mạnh Hùng | PCN  Nguyễn Sỹ Hiệp | Cục KSTT | Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.  Tài liệu hoàn thiện gửi trước ngày 15/4/2025 |
| 35 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật | Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng | Bộ trưởng  Bộ KHCN  Nguyễn Mạnh Hùng | PCN  Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ KGVX | Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.  Tài liệu hoàn thiện gửi trước ngày 15/4/2025 |
| 36 | Luật sử đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch | Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng | Bộ trưởng  Bộ Tài chính  Nguyễn Văn Thắng | PCN  Nguyễn Sỹ Hiệp | CN | Trước ngày 15/4/2025 |
| 37 | Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo | Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng | Bộ trưởng  Bộ KHCN Nguyễn Mạnh Hùng | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ KGVX | Tờ trình số 163/TTr-CP ngày 01/4/2025 |
| 38 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo | Phó Thủ tướng Mai Văn Chính | Bộ trưởng  Bộ VHTTDL  Nguyễn Văn Hùng | PCN  Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ KGVX | Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.  Tài liệu hoàn thiện gửi trước ngày 15/4/2025 |
| **II. Dự án Luật, Nghị quyết trình Quốc hội cho ý kiến** | | | | | | |
| 1 | Luật Dẫn độ | Thủ tướng Chính phủ | Bộ trưởng  Bộ Công an Lương Tam Quang | BTCN Trần Văn Sơn | Vụ NC | Tờ trình số 130/TTr-CP ngày 05/3/2025 |
| 2 | Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc | Thủ tướng Chính phủ | Bộ trưởng  Bộ Quốc phòng Phan Văn Giang | BTCN Trần Văn Sơn | Vụ NC | Tờ trình số 174/TTr-CP ngày 06/4/2025 |
| 3 | Luật Tình trạng khẩn cấp | Thủ tướng Chính phủ | Bộ trưởng  Bộ Quốc phòng Phan Văn Giang | BTCN Trần Văn Sơn | Vụ NC | Tờ trình số 126/TTr-CP ngày 05/3/2025 |
| 4 | Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù | Phó Thủ tướng Nguyễn Hòa Bình | Bộ trưởng  Bộ Công an Lương Tam Quang | BTCN Trần Văn Sơn | Vụ NC | Tờ trình số 128/TTr-CP ngày 05/3/2025 |
| 5 | Luật Đường sắt (sửa đổi) | Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà | Bộ trưởng  Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ CN | Tờ trình số 127/TTr-CP ngày 05/3/2025 |
| 6 | Luật Tương trợ tư pháp về dân sự | Phó Thủ tướng Lê Thành Long | Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh | PCN Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ PL | Tờ trình số 134/TTr-CP ngày 11/3/2025 |
| 1. **Các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, giám sát và các vấn đề quan trọng khác** | | | | | | | |
| 1 | Nghị quyết của Quốc hội về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh | Phó Thủ tướng  Nguyễn Hòa Bình | Bộ trưởng  Bộ Nội vụ  Phạm Thị Thanh Trà |  | Vụ TCCV | Trước ngày 15/4/2025 |
| 2 | Hồ sơ đề nghị Quốc hội quyết định điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050[[4]](#footnote-4) | Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà | Bộ trưởng  Bộ NN&MT Đỗ Đức Duy | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ NN | Trước ngày 15/4/2025 |
| 3 | Nghị quyết của Quốc hội về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku[[5]](#footnote-5). | Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà | Bộ trưởng  Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ CN | Trước ngày 15/4/2025 |
| 4 | Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; tình hình triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 5 | Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2024 và những tháng đầu năm 2025 | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 6 | Báo cáo về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024[[6]](#footnote-6) | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 7 | Tờ trình về bố trí nguồn thanh toán các khoản nợ thuộc trách nhiệm của Chính phủ tại SBIC | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 8 | Tờ trình Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương hỗ trợ vốn nhà nước để tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam từ nguồn ngân sách Nhà nước | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 9 | Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 *(trong đó có nội dung báo cáo thực hiện quy định tại khoản 9 Điều 4 của Nghị quyết số 132/2024/QH15 bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022; kết quả huy động, sử dụng và thanh toán, quyết toán tổng thể nguồn lực chi cho phòng, chống dịch COVID-19 của giai đoạn 2020 - 2022[[7]](#footnote-7) ; kết quả xử lý đối với các kết luận thanh tra, kiến nghị kiểm toán không còn khả năng thực hiện do cơ quan, đơn vị phá sản, giải thể hoặc cá nhân đã chết, mất năng lực hành vi dân sự và các trường hợp bất khả kháng khác[[8]](#footnote-8) ; tình hình xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt[[9]](#footnote-9) ; lũy kế kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước[[10]](#footnote-10)* ) | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| **C.** **Báo cáo gửi đại biểu Quốc hội nghiên cứu** | | | | | | | |
| 1 | Báo cáo về kết quả thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024[[11]](#footnote-11) | Phó Thủ tướng Nguyễn Hòa Bình | Bộ trưởng  Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà | PCN Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ KGVX | **Báo cáo số 102/BC-CP ngày 15/02/2025** |
| 2 | Báo cáo của Chính phủ về kết quả giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Quốc hội khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước[[12]](#footnote-12). | Phó Thủ tướng Nguyễn Hòa Bình | Bộ trưởng  Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà | PCN Trịnh Mạnh Linh | Vụ TCCV | Trước ngày 15/4/2025 |
| 3 | Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước[[13]](#footnote-13) | Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà | Bộ trưởng  Bộ NN&MT Đỗ Đức Duy | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ NN | Báo cáo số 133/BC-CP ngày 10/3/2025 |
| 4 | Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về việc chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án Hồ chứa nước sông Than, tỉnh Ninh Thuận và Dự án Hồ chứa nước Bản Mồng, tỉnh Nghệ An[[14]](#footnote-14) | Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà | Bộ trưởng  Bộ NN&MT Đỗ Đức Duy | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ NN | Báo cáo số 160/BC-CP ngày 21/3/2025 |
| 5 | Báo cáo kết quả thực hiện quyền trẻ em và việc thực hiện nhiệm vụ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương liên quan đến trẻ em[[15]](#footnote-15) | Phó Thủ tướng Lê Thành Long | Bộ trưởng  Bộ Y tế Đào Hồng Lan | PCN Đỗ Ngọc Huỳnh | Vụ KGVX | Báo cáo số 168/BC-CP ngày 05/4/2025 |
| 6 | Báo cáo tài chính nhà nước năm 2023 | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 7 | Báo cáo tình hình thực hiện cải cách chính sách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội[[16]](#footnote-16) | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 8 | Báo cáo của Chính phủ về việc nghiên cứu, sửa đổi toàn diện các dự án Luật Kế toán, Luật Quản lý thuế | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 9 | Báo cáo tình hình phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a[[17]](#footnote-17) khoản 5 Điều 19 của Luật Ngân sách nhà nước[[18]](#footnote-18) | Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc | Bộ trưởng  Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng | PCN Mai Thị Thu Vân | Vụ KTTH | Trước ngày 15/4/2025 |
| 10 | Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế[[19]](#footnote-19); điều ước quốc tế năm 2024[[20]](#footnote-20) | Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn | Bộ trưởng  Bộ Ngoại giao | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ QHQT | Trước ngày 15/4/2025 |
| 11 | Báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết số 102/2020/QH14 Phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu[[21]](#footnote-21) | Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn | Bộ trưởng  Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên | PCN Nguyễn Sỹ Hiệp | Vụ QHQT | Trước ngày 15/4/2025 |

1. ***Ghi chú:*** *Thời hạn trình hồ sơ, tài liệu, báo cáo có thể điều chỉnh sớm theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.* [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo Thông báo số 565/TB-VPCP ngày 19/12/2024 kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình. [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo Nghị quyết số 240/NQ-CP ngày 17/12/2024 Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 11/2024 [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo quy định tại Mục 10 của Nghị quyết Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV [↑](#footnote-ref-4)
5. Theo văn bản số 439/BXD-VP ngày 14/3/2025 của Bộ Xây dựng về đề xuất nội dung Chương trình công tác quý II năm 2025 của UBTVQH. [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. [↑](#footnote-ref-6)
7. Theo quy định tại Mục 19 Nghị quyết số 142/2024/QH15 về Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV. [↑](#footnote-ref-7)
8. Theo quy định tại điểm 2.4.2 tiểu mục 2.4 Mục 2 của Nghị quyết số 142/2024/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV. [↑](#footnote-ref-8)
9. Theo quy định tại khoản 5 Điều 87 của Luật Quản lý thuế. [↑](#footnote-ref-9)
10. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 114/2020/QH14 về phân bổ vốn viện trợ không hoàn lại, điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018. [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Bình đẳng giới. [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. [↑](#footnote-ref-12)
13. Theo quy định tại khoản 4 Điều 165 của Luật Bảo vệ môi trường. [↑](#footnote-ref-13)
14. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 130/2024/QH15 về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2025. [↑](#footnote-ref-14)
15. Theo quy định tại khoản 5 Điều 80 của Luật Trẻ em. [↑](#footnote-ref-15)
16. Theo quy định tại điểm đ tiểu mục 6.2 Mục 6 của Nghị quyết số 142/2024/QH15 về Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV [↑](#footnote-ref-16)
17. Điểm a khoản 5 Điều 19 của Luật Ngân sách nhà nước được quy định như sau:

    “*a) Tổng số chi ngân sách trung ương được phân bổ; chi đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực; chi thường xuyên theo từng lĩnh vực; chi dự trữ quốc gia; chi trả nợ lãi, chi viện trợ; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách;*”. [↑](#footnote-ref-17)
18. Theo quy định tại khoản 5a Điều 19 của Luật Ngân sách nhà nước. [↑](#footnote-ref-18)
19. Theo quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Thỏa thuận quốc tế. [↑](#footnote-ref-19)
20. Theo quy định tại khoản 3 Điều 77 của Luật Điều ước quốc tế. [↑](#footnote-ref-20)
21. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 102/2020/QH14 về phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA). [↑](#footnote-ref-21)